

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 1421/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Vũ ThànhMô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi

Mã số mẫu/Sample code : 36026011295

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 30/01/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 30/01/2026

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                                   | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method                                                |
|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 0126125/hqv2<br>PORK BLOOD MEAL -<br>BỘT HUYẾT HEO<br>BNNPTNT29260044368 | Asen (As) tổng số (*)                  | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015;<br>EN 16278:2012; EN 16277:2012) |
|                                                                          | Chì (Pb) (*)                           | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-<br>7:2012; TCVN 10912:2015)            |
|                                                                          | Cadimi (Cd) (*)                        | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-<br>7:2012; TCVN 10912:2015)            |
|                                                                          | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                                                                    |
|                                                                          | Escherichia coli (*)                   | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                                                               |
|                                                                          | Salmonella spp. (*)                    | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017                                                              |

Cần Thơ, ngày/date: 03/02/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR

**Ghi chú/ Note:**

Nguyễn Đình Xuân Quý

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of 3K VI.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 1422/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản Vùng IIĐịa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí MinhNgười gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Vũ ThànhMô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản, đựng trong túi

Mã số mẫu/Sample code : 36026011296

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 30/01/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 30/01/2026

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                                   | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method                                                |
|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 0126126/hqv2<br>PORK BLOOD MEAL -<br>BỘT HUYẾT HEO<br>BNNPTNT29260044823 | Asen (As) tổng số (*)                  | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | HDH-60 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 10912:2015;<br>EN 16278:2012; EN 16277:2012) |
|                                                                          | Chì (Pb) (*)                           | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | KPH                | HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-<br>7:2012; TCVN 10912:2015)            |
|                                                                          | Cadimi (Cd) (*)                        | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | KPH                | HDH-61 (Ref. TCVN 9588:2013; TCVN 8900-<br>7:2012; TCVN 10912:2015)            |
|                                                                          | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                                                                    |
|                                                                          | Escherichia coli (*)                   | CFU/g               | <10                | TCVN 7924-2:2008                                                               |
|                                                                          | Salmonella spp. (*)                    | /25g                | KPH                | TCVN 10780-1:2017                                                              |

Cần Thơ, ngày/date: 03/02/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of 3K VI.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.